

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18-8-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ – TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Cao Phát;
2. Ông Nguyễn Văn Xem.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Hha - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020; Thông báo về việc xét xử số: 60/TB – TA, ngày 06/7/2020; Thông báo về việc xét xử số: 69/TB – TA, ngày 04/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kim Thị Sô T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Thạch H, sinh năm 1993 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị Sô T trình bày:

Bà và ông Thạch H chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống không có con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bà và ông H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, chung sống không có hạnh phúc nên bà và ông H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập ông H tham gia tố tụng nhưng ông H không có mặt cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Sô T, cho bà Kim Thị Sô T ly hôn với ông Thạch H. Về con chung: không có nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Bà T khai bà T và ông H không có nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại Ấp Ô, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H. Nhưng do ông H vắng mặt nên chỉ ruột ông H là bà Thạch Thị Na Q đã nhận thay và đã giao lại cho ông H tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên ông H đã biết Tòa án đang thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T và biết Tòa án triệu tập ông H đến Tòa tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt 02 lần không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Sô T và ông Thạch H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của bà T và ông H là bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chung sống với nhau không hạnh phúc nên bà T và ông H không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H 02 lần. Nhằm để hòa giải, tạo điều kiện cho bà T và ông H hàn gắn nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông H đã không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm với bà T. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông H. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà T khai bà T và ông H không có con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà T khai bà T và ông H không có nợ chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Kim Thị Sô T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng bà Kim Thị Sô T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu Tòa án miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bà Kim Thị Sô T.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Sô T.

Cho bà Kim Thị Sô T được ly hôn với ông Thạch H.

Về con chung: Bà Kim Thị Sô T khai bà Kim Thị Sô T và ông Thạch H không có con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Kim Thị Sô T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Kim Thị Sô T khai bà Kim Thị Sô T và ông Thạch H không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Kim Thị Sô T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng bà Kim Thị Sô T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu Tòa án miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bà Kim Thị Sô T số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Kim Thị Sô T số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007940, ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Thạch H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chí Công

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

Trần Cao Phát

Nguyễn Văn Xem

Trần Văn Chí Công

